

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2022/DS-PT

Ngày: 24 - 6 - 2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn H.

Các Thẩm phán: Ông Lâm Thuận T

Ông Đào Chí K

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Th - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Phước Th – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2022/TLPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST, ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 81/2022/QĐ-PT ngày 13/5/2022.

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Trương Bá Th, sinh năm 1953;

1.2 Bà Trương Ánh Ph, sinh năm 1981.

Cùng nơi cư trú: Số 463, đường L L, ấp Hòa L 1, thị trấn An Ch, huyện Ch Th, tỉnh A Gi.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th và bà Ph: Ông Đặng Văn K, sinh năm 1978; nơi cư trú: Lô 1E1, KDC Bình Đ, khóm Bình Đ 1, phường Bình Đ, thành phố L X, tỉnh A Gi (Giấy ủy quyền Công chứng ngày 16/12/2020).

2. Bị đơn:

2.1 Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1984;

2.2 Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1981.

Cùng nơi cư trú: Số 10, Dãy 5, khu tập thể Trường Đ h A Gi, Tổ 9, khóm Đ Th, phường Đ X, thành phố L X, tỉnh A Gi.

Nơi cư trú hiện nay: Nhà trọ Th T, đường U V Kh, phường Mỹ Xuyên, thành phố L X, tỉnh A Gi.

(Ông K có mặt; bà H, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai của nguyên đơn, ông Trương Bá Th trong quá trình giải quyết vụ án; tại phiên tòa, ông Đặng Văn K là người đại diện theo ủy quyền của ông Th trình bày:

- Từ tháng 9/2017, ông Trương Bá Th tham gia 02 dây hội do bà Nguyễn Thị Hồng H làm chủ hội. Cụ thể:

+ Hội 2.000.000 đồng/tháng, áp ngày 20/6/2018, mãn ngày 20/5/2018, ông Th tham gia 02 phần, đã đóng được 14 lần thì vỡ hội. Tổng số tiền thực đóng là 41.120.000 đồng, tính gộp tiền lãi là 56.000.000 đồng (2.000.000 đồng x 2 phần x 14 lần);

+ Hội 3.000.000 đồng/tháng, áp ngày 20/9/2018, mãn ngày 20/9/2020, ông Th tham gia 02 phần, đã đóng được 11 lần thì vỡ hội. Tổng số tiền thực đóng là 23.955.000 đồng, tính gộp tiền lãi là 33.000.000 đồng (3.000.000đ x 02 phần x 11 lần).

Tổng cộng 02 dây hội trên là 89.000.000 đồng. Ông Th yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Hồng H cùng chồng là Nguyễn Thanh T cùng có trách nhiệm trả cho ông số tiền 89.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn, bà Trương Ánh Ph trình bày:

- Từ tháng 9/2017, bà Trương Ánh Ph tham gia 08 dây hội do bà Nguyễn Thị Hồng H làm chủ hội. Cụ thể:

+ Hội 2.000.000 đồng/tháng, áp ngày 10/9/2017, mãn ngày 10/4/2020, gồm 32 hội viên, bà Ph tham gia 03 phần, đóng hội được 23 lần thì vỡ hội.

Dây hội này bà Ph có 01 phần hội đã hót, còn 09 lần châu hội chết với số tiền 18.000.000 đồng và 02 phần hội chưa hót, với số tiền 92.000.000 đồng (2.000.000đ x 02 phần x 23 lần). Sau khi khấu trừ, bà H còn nợ bà Ph số tiền 74.000.000 đồng (92.000.000đ – 18.000.000đ);

+ Hội 3.000.000 đồng/tháng, áp ngày 10/01/2018, mãn ngày 10/01/2020, gồm 25 hội viên, bà Ph tham gia 03 phần, đóng hội được 19 lần thì vỡ hội.

Dây hội này bà Ph có 01 phần hội đã hót, còn 06 lần châu hội chết với số tiền 18.000.000 đồng và 02 phần hội chưa hót, với số tiền 114.000.000 đồng (3.000.000đ x 02 phần x 19 lần). Sau khi khấu trừ, bà H còn nợ bà Ph số tiền 96.000.000 đồng (114.000.000đ – 18.000.000đ);

+ Hụi 5.000.000 đồng/tháng, áp ngày 05/7/2018, mãn ngày 05/8/2020, gồm 26 hụi viên, bà Ph tham gia 03 phần, đã đóng được 13 lần thì vỡ hụi. Bà H còn nợ bà Ph số tiền 195.000.000 đồng (5.000.000đ x 03 phần x 13 lần);

+ Hụi 5.000.000 đồng/tháng, áp ngày 10/12/2018, mãn ngày 10/02/2020, gồm 15 hụi viên, bà Ph tham gia 02 phần, đã đóng được 08 lần thì vỡ hụi.

Dây hụi này bà Ph có 01 phần hụi đã hót, còn 07 lần châu hụi chết với số tiền 35.000.000 đồng và 01 phần hụi chưa hót, với số tiền 40.000.000 đồng (5.000.000đ x 01 phần x 08 lần). Sau khi khấu trừ, bà H còn nợ bà Phương số tiền 5.000.000 đồng (40.000.000đ – 35.000.000đ);

+ Hụi 3.000.000 đồng/tháng, áp ngày 15/02/2019, mãn ngày 15/8/2020, gồm 19 hụi viên, bà Ph tham gia 03 phần và đã hót tất cả, còn 13 lần châu hụi chết với số tiền 117.000.000 đồng (3.000.000đ x 03 phần x 13 lần);

+ Hụi 2.000.000 đồng/tháng, áp ngày 20/10/2017, mãn ngày 20/9/2019, gồm 24 hụi viên, bà Ph tham gia 03 phần và đã hót tất cả, còn 02 lần châu hụi chết với số tiền 12.000.000 đồng (2.000.000đ x 03 phần x 02 lần);

+ Hụi 3.000.000 đồng/tháng, áp ngày 20/9/2018, mãn ngày 20/9/2019, gồm 25 hụi viên, bà Ph tham gia 02 phần và đã hót tất cả, còn 14 lần châu hụi chết với số tiền 84.000.000 đồng (3.000.000đ x 02 phần x 14 lần);

+ Hụi 3.000.000 đồng/tháng, áp ngày 25/8/2018, mãn ngày 25/7/2020, gồm 24 hụi viên, bà Ph tham gia 03 phần và đã hót tất cả, còn 12 lần châu hụi chết với số tiền 108.000.000 đồng (3.000.000đ x 03 phần x 12 lần).

Tổng cộng, bà Ph phải đóng (châu) hụi chết cho bà H là 392.000.000đ; bà H phải trả lại số tiền bà Ph đã đóng là 441.000.000 đồng. Sau khi khấu trừ, bà H còn nợ lại bà Ph 49.000.000 đồng (441.000.000đ – 392.000.000đ). Bà Ph yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Hồng H và chồng là Nguyễn Thanh T cùng có trách nhiệm trả số tiền 49.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

Bà là chủ hụi, ông Trương Bá Th, bà Trương Ánh Ph là hụi viên. Bà H có mở 13 dây hụi nhưng đã xin ngưng hoạt động từ tháng 8/2019 do không thu được tiền hụi chết mà các hụi viên đã hót trước đó.

- Phần hụi mà ông Trương Bá Th tham gia gồm:

+ Hụi 2.000.000 đồng/tháng, áp ngày 20/6/2018, mãn ngày 20/5/2020, đã đóng được 14 lần thì vỡ hụi, ông Th tham gia 02 phần, tổng số tiền thực đóng là 41.040.000 đồng;

+ Hụi 3.000.000 đồng/tháng, áp ngày 20/9/2018, mãn ngày 20/9/2020, đã đóng được 11 lần thì vỡ hụi, ông Th tham gia 01 phần, tổng số tiền thực đóng là 65.095.000 đồng.

- Phần hụi mà bà Trương Ánh Ph tham gia nhưng chưa hót hụi:

+ Hụi 5.000.000 đồng/tháng, áp ngày 05/7/2018, mẫn ngày 05/8/2020, gồm 26 hụi viên, bà Ph tham gia 03 phần, tên trên sổ hụi ghi “Chị Ánh Ph”, đã đóng (chầu) được 13 lần thì vỡ hụi, số tiền thực đóng là 138.900.000 đồng;

+ Hụi 5.000.000 đồng/tháng, áp ngày 10/12/2018, mẫn ngày 10/02/2020, gồm 15 hụi viên, bà Ph tham gia 02 phần, đã đóng được 08 lần thì vỡ hụi, trong đó có 01 phần chưa hốt, số tiền thực đóng 30.240.000 đồng;

+ Hụi 3.000.000đ/tháng, áp ngày 10/01/2018, mẫn ngày 10/01/2020, gồm 25 hụi viên, bà Ph tham gia 03 phần, đã đóng được 19 lần thì vỡ hụi. Dây hụi này, có 02 phần hụi chưa hốt, số tiền thực đóng 81.840.000 đồng;

+ Hụi 2.000.000đ/tháng, áp ngày 10/9/2017, mẫn ngày 10/4/2020, gồm 32 hụi viên, bà Ph tham gia 03 phần, bà Ph đóng hụi được 23 lần thì vỡ hụi. Dây hụi này, có 02 phần hụi chưa hốt, số tiền thực đóng 68.480.000 đồng;

Tổng cộng số tiền thực đóng của bà H trong 04 dây hụi chưa hốt nêu trên là 319.460.000 đồng.

- Phần hụi mà bà Trương Ánh Ph tham gia và đã hốt hụi:

+ Hụi 5.000.000đ/tháng, áp ngày 10/12/2018, mẫn ngày 10/02/2020, gồm 15 hụi viên, bà Ph tham gia 03 phần (đã hốt 01 phần), hốt lần 4/15 (bỏ số tiền 920.000đ). Đến thời điểm vỡ hụi, bà Ph còn nợ bà H 07 lần chầu hụi chết, số tiền 35.000.000 đồng;

+ Hụi 3.000.000đ/tháng, áp ngày 10/01/2018, mẫn ngày 10/01/2020, gồm 25 hụi viên, bà Ph tham gia 03 phần (đã hốt 01 phần), hốt lần 16/25 (bỏ số tiền 800.000đ). Đến thời điểm vỡ hụi, bà Ph còn nợ bà H 06 lần chầu hụi chết, số tiền 18.000.000 đồng;

+ Hụi 2.000.000đ/tháng, áp ngày 10/9/2017, mẫn ngày 10/4/2020, gồm 32 hụi viên, bà Ph tham gia 03 phần (đã hốt 01 phần), hốt lần 8/32 (bỏ số tiền 480.000đ). Đến thời điểm vỡ hụi, bà Ph còn nợ bà Hạnh 09 lần chầu hụi chết, số tiền 18.000.000 đồng;

+ Hụi 3.000.000đ/tháng, áp ngày 15/02/2019, mẫn ngày 15/8/2020, gồm 19 hụi viên, bà Ph tham gia 03 phần và đã hốt. Bà Ph hốt lần 02/19 (bỏ số tiền 670.000đ); hốt lần 3/19 (bỏ 6600.000đ) và hốt lần 06/19 (bỏ 850.000đ). Đến thời điểm vỡ hụi, bà Ph còn nợ bà H 13 lần chầu hụi chết với số tiền 117.000.000 đồng;

+ Hụi 2.000.000đ/tháng, áp ngày 20/10/2017, mẫn ngày 20/9/2019, gồm 24 hụi viên, bà Ph tham gia 03 phần và đã hốt. Bà Ph hốt hụi lần 5/24 (bỏ 510.000đ); hốt lần 13/24 (bỏ 500.000đ) và hốt lần 18/24 (bỏ 400.000đ). Đến thời điểm vỡ hụi, bà Ph còn nợ bà H 02 lần chầu hụi chết, số tiền 12.000.000 đồng.

+ Hụi 3.000.000đ/tháng, áp ngày 20/9/2018, mẫn ngày 20/9/2019, gồm 25 hụi viên, bà Ph tham gia 02 phần và đã hốt. Bà Ph hốt hụi lần 5/25 (bỏ 820.000đ); hốt lần 8/25 (bỏ 720.000đ). Đến thời điểm vỡ hụi, bà Ph còn nợ bà H 14 lần chầu hụi chết, số tiền 84.000.000 đồng;

+ Hụi 3.000.000đ/tháng, áp ngày 25/8/2018, mần ngày 25/7/2020, gồm 24 hụi viên, bà Ph tham gia 03 phần và đã hốt. Bà Ph hốt lần 7/24 (bỏ 520.000đ); hốt lần 8/24 (bỏ 710.000đ) và hốt lần 9/24 (bỏ 680.000đ). Đến thời điểm vỡ hụi, bà Ph còn nợ bà H 14 lần châu hụi chết, số tiền 108.000.000 đồng.

Tổng cộng, bà Ph phải trả lại tiền hụi chết cho bà H là 392.000.000 đồng.

Sau khi khấu trừ, bà Ph còn nợ bà H số tiền 72.540.000 đồng (392.000.000đ - 319.460.000đ).

Bà H yêu cầu phản tố, không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của kiện của ông Th, bà Ph. Đồng ý trả nợ ông Th số tiền hụi thực đóng là 65.095.000 đồng; bà Ph trả lại số tiền nợ hụi chết là 72.540.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Hồng H, khi vợ ông bị vỡ hụi thì ông mới biết và đi cùng vợ đến nhà các hụi viên để thương lượng, trong đó có ông Th, bà Ph. Nay bị khởi kiện, ông không đồng ý cùng chịu trách nhiệm trả nợ với bà H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST, ngày 19/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã tuyên xử:

Căn cứ vào:

Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Điều 288, Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điểm b, khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 2 Luật Người cao tuổi 2009.

Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Buộc bà H, ông T liên đới trách nhiệm trả cho ông Th số tiền 65.195.000 đồng; Buộc bà H, ông T liên đới trách nhiệm trả cho bà Ph số tiền 23.400.000 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Đối với yêu cầu bà H, ông T liên đới trách nhiệm trả ông Th số tiền 23.805.000 đồng; Bà H, ông T liên đới trách nhiệm trả bà Ph số tiền 25.600.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà H. Buộc bà Ph trả số tiền hụi 72.540.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí dân sự, về áp dụng luật thi hành án và tuyên về phần quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, ông Trương Bá Th, bà Trương Ánh Ph làm đơn kháng cáo. Ông Th yêu cầu xem xét lại phần tiền lãi hui; bà Ph yêu cầu xem xét lại phần tiền lãi hui và yêu cầu hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Đại diện nguyên đơn, ông Đặng Văn K có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử buộc đồng bị đơn trả cho ông Trương Bá Th số tiền 80.000.000 đồng (rút lại 9.000.000 đồng) so với đơn khởi kiện; trả cho bà Trương Ánh Ph 49.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của ông Trương Bá Th, bà Trương Ánh Ph. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm, buộc đồng bị đơn trả cho ông Trương Bá Th số tiền 80.000.000 đồng; trả cho bà Trương Ánh Ph 25.000.000 đồng và sửa về án phí.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, nhận thấy:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận xét về vụ án.

[1] Về thủ tục:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Trương Bá Th, bà Trương Ánh Ph trong hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Đồng bị đơn vắng mặt, nhưng được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

[1.3] Bà Trương Ánh Ph kháng cáo, yêu cầu hủy án sơ thẩm do vi phạm về tố tụng như: Thời gian triệu tập, xét xử, tranh luận và tuyên án không liên tục. Qua kiểm tra, Hội đồng xét xử thấy, cấp sơ thẩm có vi phạm, nhưng không nghiêm trọng. Về bản chất, không làm thay đổi nội dung “Tranh chấp hui” nên không cần thiết hủy án, nhưng cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm.

[1.4] Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Bá Th rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 9.000.000đ. Căn cứ Điều 217 và Điều 289 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Ông Trương Bá Th khởi kiện vợ chồng bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ trả số tiền hui (cả tiền vốn châu và tiền lãi hui) là 89.000.000 đồng. Bà H xác nhận, ông Th có chơi hui do bà làm chủ và chưa hốt thì bị vỡ và chỉ đồng ý trả lãi số tiền thực đóng (châu) là 65.095.000 đồng.

[2.2] Bà Trương Ánh Ph khởi kiện vợ chồng bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ trả số tiền hui (cả tiền vốn châu và tiền lãi hui) sau khi khấu trừ giữa phần hui chết (đã hốt) và hui sống (chưa hốt) là 49.000.000 đồng. Bà H xác nhận, bà Ph có chơi hui do bà làm chủ và có những phần chưa hốt và đã hốt thì bị vỡ và sau khi khấu trừ giữa phần hui chết và hui sống thì bà Ph còn phải trả cho bà 72.540.000 đồng (yêu cầu phản tố).

[2.3] Sau khi xét xử sơ thẩm, đồng bị đơn không kháng cáo.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trương Bá Th thấy rằng, thời điểm chốt số tiền hui vào ngày 07/11/2019, bà Nguyễn Thị Hồng H xác nhận số tiền bà phải trả lại cho ông Thảo là 89.000.000đ. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 21/12/2020 và tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông đồng ý và chỉ còn yêu cầu bà H, ông T phải trả số tiền 80.000.000đ (số tiền thực tế châu hui là 65.095.000 đồng, chênh lệch 14.905.000đ). Căn cứ, Nghị định số 144/2006/CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ thì số tiền này được tính vào tiền lãi là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.1] Bà Ph kháng cáo yêu cầu bà H, ông T trả số tiền 49.000.000 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cũng xác nhận. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại cấp sơ thẩm bà H phản tố, yêu cầu bà Ph phải trả cho bà 72.540.000 đồng, sau khi khấu trừ giữa phần hui chết và hui sống. Khi cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố, bà Hạnh cũng không kháng cáo. Như vậy, về số liệu từng lần góp hui chưa thống nhất giữa chủ hui và hui viên; chưa đối chất làm rõ nhưng cấp sơ thẩm đưa ra xét xử là chưa chính xác. Cụ thể, về các dây hui bà Phương đã hốt thì bà H yêu cầu trả lại đủ số tiền tương ứng của từng dây hui; đối với các dây hui bà Ph chưa hốt thì bà H tính số tiền vốn bỏ ra châu hui, không tính tiền lãi là không phù hợp với hướng dẫn tại Nghị định số 144. Ngược lại, bà Ph lấy số tiền đã châu của các dây hui chưa hốt (bao gồm luôn tiền lãi) rồi khấu trừ lại phần hui đã hốt, yêu cầu bà H trả lại 49.000.000đ cũng không phù hợp.

Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 21/12/2020 người đại diện theo ủy quyền của bà Ph chỉ yêu cầu bà H phải trả số tiền 25.000.000đ là hợp lý, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của ông Th, bà Ph. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí dân sơ thẩm:

- Ông Trương Bá Th là người cao tuổi, được miễn.
- Bà Trương Ánh Ph phải chịu 700.000 đồng do yêu cầu không được chấp nhận;
- Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 3.627.000 đồng, do yêu cầu phản tố không được chấp nhận;
- Bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Thanh T liên đới chịu số tiền là 5.250.000 đồng do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo được chấp nhận, ông Th, bà Ph không phải chịu và bà Ph được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp (ông Th được miễn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 148; Điều 217; Điều 235; Điều 289 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 280, 357, 471 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của ông Trương Bá Th, bà Trương Ánh Ph.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST, ngày 19/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Thanh T liên đới trả cho ông Trương Bá Th số tiền 80.000.000 đồng (tám chục triệu đồng) và trả cho bà Trương Ánh Ph số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Tổng cộng: 105.000.000đ (một trăm lẻ năm triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử về yêu cầu số tiền hui 9.000.000 đồng đã rút của ông Trương Bá Th đối với bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Thanh T.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Ánh Ph đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Thanh T liên đới trả số tiền hui 14.000.000 đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Hồng H về buộc bà Trương Ánh Ph trả số tiền hui 72.540.000 đồng.

5. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Trương Bá Th là người cao tuổi, được miễn nộp án phí.

- Bà Trương Ánh Ph phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm số tiền 700.000 đồng, được khấu trừ vào 1.225.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000496 ngày 03/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà Ph được nhận lại 525.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm số tiền 3.627.000 đồng, được khấu trừ vào 1.813.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005681 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà H còn phải nộp bổ sung số tiền 1.814.500 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Thanh T liên đới chịu án phí Dân sự sơ thẩm với số tiền là 5.250.000 đồng.

6. Án phí phúc thẩm: Ông Th, bà Ph không phải chịu. Bà Ph được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai số 0000944 ngày 08/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV&THA;
- Tòa Dân Sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn H